

Võ Thị Nhật Minh
Trưởng phòng, Phân tích thị trường
minh.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 365

Dự báo kết quả review chỉ số VN30 nửa đầu năm 2024

- HSX sẽ công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2024 vào ngày 15/1/2024, thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 5/2/2024.
- HSC dự báo các cổ phiếu trong giỏ chỉ số đáp ứng đầy đủ điều kiện để được giữ lại và sẽ không thay đổi trong đợt review này.
- Các quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở sẽ chỉ tái cơ cấu tỷ trọng các cổ phiếu trong giỏ chỉ số.

Không loại ra hoặc thêm vào cổ phiếu nào trong đợt review nửa đầu năm 2024

The market capitalization of the 30 shares currently ranges from VND29,392bn to VND462,898bn, with a turnover ratio over 0.05%, matching traded volume higher than 100,000 shares/day, and matching traded value higher than VND10bn/day.

Vốn hóa thị trường của 30 cổ phiếu này dao động trong khoảng 29.392-462.898 tỷ đồng với tỷ suất vòng quay hơn 0,05%, đáp ứng khối lượng giao dịch hơn 100.000cp/ngày và giá trị giao dịch hàng ngày hơn 10 tỷ đồng/ngày.

Cổ phiếu dự phòng bao gồm NVL, DGC và 3 cổ phiếu ngân hàng khác

NVL và DGC có vốn hóa đủ lớn để được thêm vào danh mục cổ phiếu dự phòng trong đợt review này trong khi EIB, LPB và MSB là 3 cổ phiếu dự phòng còn lại

Cổ phiếu dự phòng có thể được thêm vào giỏ chỉ số VN30 nếu có cổ phiếu nào trong giỏ chỉ số bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch hoặc có tỷ lệ free-float dưới 10% và vốn hóa free-float dưới 2.000 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/1.

Bảng 1: Tiêu chí của chỉ số VN30 Index

Tiêu chí	Cổ phiếu mới (bao gồm)	Cổ phiếu hiện tại (không bao gồm)
Tình trạng	Không trong diện bị cảnh báo	Không trong diện bị cảnh báo
Thời gian niêm yết	6 tháng niêm yết trên HSX	
	3 tháng niêm yết trên HSX đối với top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn	
Tỷ lệ Free float	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$
	$< 10\%$ & vốn hóa_free float > 2.500 tỷ đồng	$< 10\%$ & vốn hóa_free float > 2.500 tỷ đồng
Tỷ suất quay vòng	$\geq 0.05\%$	$\geq 0.04\%$
Giá trị giao dịch khớp lệnh	≥ 10 tỷ đồng	≥ 9 tỷ đồng
Vốn hóa	Ưu tiên vốn hóa lớn	Ưu tiên vốn hóa lớn
Kỳ tái cơ cấu	Nửa năm (tháng 2, tháng 7)	

Nguồn: HSX

Dự báo kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2024

HSX sẽ công bố kết quả review bán niên chỉ số VN30 nửa đầu năm 2024 vào ngày 15/1/2024. Ngày có hiệu lực là ngày 5/2/2024. Dựa trên các tiêu chí của chỉ số VN30 và số liệu tính đến ngày 29/12/2023, chúng tôi dự báo như sau:

Cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 được giữ nguyên

Dựa trên số liệu vào ngày 29/12/2023, HSC nhận thấy tất cả 30 cổ phiếu thành phần trong giỏ chỉ số VN30 đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí (về thanh khoản, tỷ lệ free-float và vốn hóa free-float) nên tất cả những cổ phiếu này sẽ được giữ lại trong giỏ chỉ số. Vốn hóa giỏ chỉ số VN30 hiện dao động trong khoảng 29.392-462.898 tỷ đồng. Tổng vốn hóa giỏ chỉ số VN30 hiện đóng góp khoảng 80% tổng vốn hóa của HSX hiện tại.

Top 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong giỏ chỉ số VN30 bao gồm FPT (8,87%), VPB (8,21%), HPG (7,64%), ACB (7,14%) và TCB (6,23%), chiếm khoảng 39,09% tổng tỷ trọng giỏ chỉ số.

HSC dự báo cổ phiếu dự phòng bao gồm EIB, LPB, NVL, DGC và MSB; chủ yếu là cổ phiếu ngân hàng với vốn hóa lần lượt 31.069 tỷ đồng, 30.720 tỷ đồng, 29.503 tỷ đồng, 26.905 tỷ đồng và 25.959 tỷ đồng. Đây là những ứng cử viên sáng giá cho đợt review vào tháng 7/2024 nếu vốn hóa của những cổ phiếu này tăng đủ mạnh để nằm trong top 20 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thị trường hoặc cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30 hiện tại không đáp ứng tiêu chí để được giữ lại.

Quỹ DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF và KIM Growth VN30 ETF sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở với tổng giá trị tài sản quản lý lần lượt 314,6 triệu USD, 5,9 triệu USD, 14,3 triệu USD và 23,9 triệu USD. Dựa trên dự báo không có thay đổi về cổ phiếu trong danh mục hiện tại, các quỹ ETF này sẽ chỉ mua bán các cổ phiếu trong giỏ để tái cơ cấu danh mục.

HSC ước tính các quỹ ETF có thể sẽ cần mua vào một lượng đáng kể cổ phiếu VPB (1,5 triệu cổ phiếu), SSB (0,3 triệu cổ phiếu) và BID (0,3 triệu cổ phiếu) đồng thời bán ra cổ phiếu BCM (0,2 triệu cổ phiếu) và GVR (0,1 triệu cổ phiếu) để tái cơ cấu danh mục đầu tư.

Lưu ý, biến động giá cổ phiếu và số lượng chứng chỉ quỹ từ nay đến khi kết thúc thời gian tái cơ cấu danh mục có thể làm thay đổi tỷ trọng cũng như khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu.

Đợt review bán niên tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 7/2024.

Trong năm 2023, quỹ ETF lớn nhất sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở (DCVFM VN30 ETF) bị rút ròng tổng cộng 42,9 triệu USD. Quỹ này thu hút 26 triệu USD vào tháng 1/2023 sau đó bị rút vốn từ tháng 2-12/2023

Trong năm 2023 (%) – Theo Bloomberg, 4 quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở đều có kết quả tốt - DCVFM VN30 ETF (tăng 12,1%), SSIAM VN30 ETF (tăng 11,9%), MAFM VN30 ETF (tăng 13,2%) và KIM Growth VN30 ETF (tăng 12,8%).

Bảng 2: Dự báo các cổ phiếu thành phần mới của giỏ chỉ số VN30 nửa đầu năm 2024

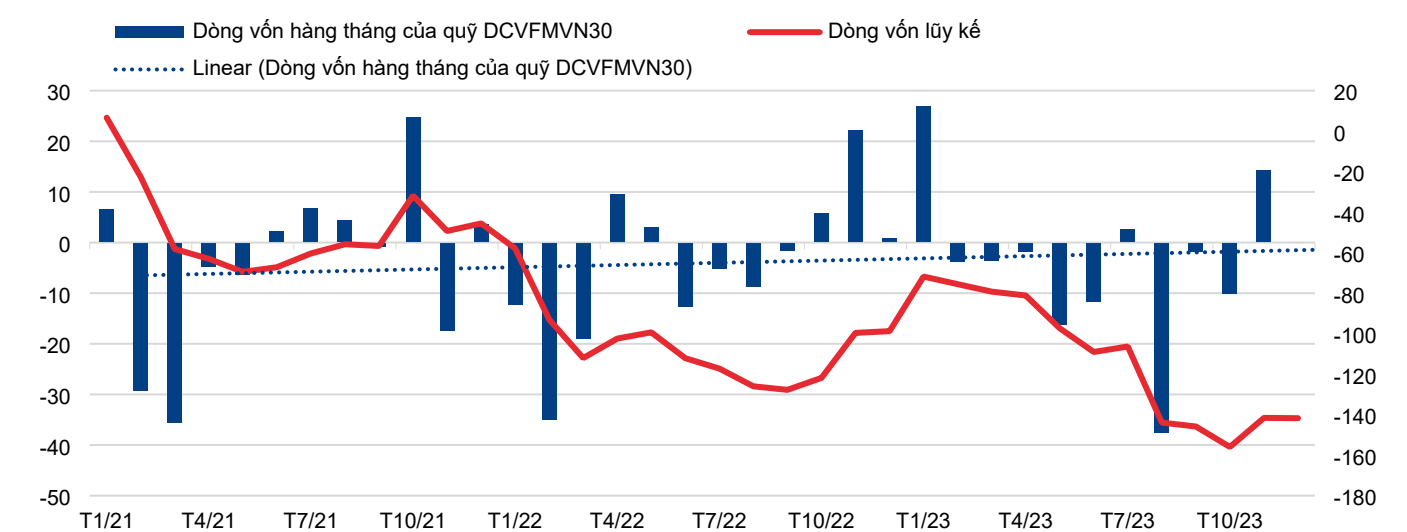
STT	Mã CK	Giá CP	Số lượng CP đang lưu hành	Tỷ trọng mới (%)
1	FPT	96,100	1,269,968,875	8.9%
2	VPB	19,200	7,933,923,601	8.2%
3	HPG	27,950	5,814,785,700	7.6%
4	ACB	23,900	3,884,050,358	7.1%
5	TCB	31,800	3,522,510,811	6.2%
6	VNM	67,600	2,089,955,445	4.8%
7	VHM	43,200	4,354,367,488	4.8%
8	MBB	18,650	5,214,084,052	4.6%
9	STB	27,950	1,885,215,716	4.5%
10	VIC	44,600	3,823,661,561	4.4%
11	MWG	42,800	1,462,398,388	4.3%
12	VCB	80,300	5,589,091,262	4.2%
13	MSN	67,000	1,430,843,406	3.7%
14	HDB	20,300	2,892,550,610	3.5%
15	SSI	32,800	1,499,138,669	2.9%
16	SSB	23,900	2,495,700,000	2.8%
17	VJC	108,000	541,611,334	2.8%
18	SHB	10,800	3,618,901,927	2.7%
19	VIB	19,600	2,536,807,534	2.3%
20	TPB	17,400	2,201,635,009	2.0%
21	CTG	27,100	5,369,991,748	1.9%
22	VRE	23,300	2,272,318,410	1.8%
23	BID	43,400	5,700,435,900	0.8%
24	SAB	63,000	1,282,562,372	0.8%
25	GAS	75,500	2,296,739,847	0.7%
26	POW	11,250	2,341,871,600	0.5%
27	PLX	34,500	1,270,592,235	0.4%
28	GVR	21,200	4,000,000,000	0.3%
29	BVH	39,500	742,322,764	0.3%
30	BCM	62,900	1,035,000,000	0.2%
Tổng				100%

Nguồn: HSC dự báo

Bảng 3: Ước tính số lượng cổ phiếu mua vào/bán ra của các quỹ ETF (DCVFMVN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFMVN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF)

STT	Mã CK	Tỷ trọng mới (%)	+/- cổ phiếu từ DCVFMVN30 ETF	+/- cổ phiếu từ SSIAM VN30 ETF	+/- cổ phiếu từ MAFMVN30 ETF	+/- cổ phiếu từ KIM Growth VN30 ETF	Ước tính CP mua vào/bán ra từ 4 quỹ ETF
1	VPB	8.2%	1,715,516	(44,031)	(141,452)	34,861	1,564,894
2	SSB	2.8%	364,019	14,015	15,067	(13,189)	379,912
3	BID	0.8%	306,515	7,421	(12,126)	36,632	338,443
4	HPG	7.6%	144,636	11,898	17,573	103,701	277,809
5	MWG	4.3%	197,031	9,704	14,526	31,161	252,422
6	CTG	1.9%	185,533	6,126	8,409	9,898	209,966
7	STB	4.5%	177,388	5,383	(11,548)	11,465	182,689
8	ACB	7.1%	139,016	7,388	6,301	27,458	180,163
9	SSI	2.9%	191,669	5,351	4,514	(29,259)	172,276
10	TCB	6.2%	85,481	3,403	2,798	53,580	145,262
11	SHB	2.7%	95,535	5,757	(8,343)	33,932	126,882
12	SAB	0.8%	131,851	7,007	(7,602)	(7,307)	123,948
13	VIB	2.3%	109,480	6,424	6,708	(12,210)	110,401
14	VIC	4.4%	58,806	7,175	5,734	25,133	96,849
15	VCB	4.2%	104,824	3,396	916	(16,380)	92,756
16	TPB	2.0%	23,657	7,811	12,871	34,885	79,224
17	VRE	1.8%	67,819	8,613	16,291	(22,004)	70,719
18	PLX	0.4%	54,350	5,152	7,422	(14,209)	52,716
19	BVH	0.3%	96,961	(1,055)	(4,268)	(40,696)	50,942
20	FPT	8.9%	8,313	9,047	9,634	(13,142)	13,852
21	VNM	4.8%	(19,687)	9,950	(8,485)	18,935	713
22	VJC	2.8%	(13,281)	5,682	11,121	(7,941)	(4,419)
23	MBB	4.6%	(67,323)	12,473	(4,886)	25,731	(34,006)
24	GAS	0.7%	(28,611)	3,798	6,408	(21,241)	(39,646)
25	HDB	3.5%	(93,987)	12,256	2,483	38,202	(41,047)
26	POW	0.5%	(63,283)	6,401	15,381	292	(41,210)
27	VHM	4.8%	(77,682)	6,116	2,024	16,729	(52,814)
28	MSN	3.7%	(102,660)	6,990	9,647	7,637	(78,387)
29	GVR	0.3%	(142,269)	9,406	(1,606)	5,444	(129,025)
30	BCM	0.2%	(116,818)	(5,146)	(15,086)	(56,493)	(193,543)
100.0%							

Nguồn: HSC ước tính

Biểu đồ 4: Dòng vốn hàng tháng của quỹ DCVFMVN30 (triệu USD)

Nguồn: Bloomberg, HSC

Bảng 5: Thay đổi giá hiện tại của các cổ phiếu thành phần thuộc VN30 (%)

Mã CP	Doanh nghiệp	Thị giá (đồng)	Giá trị giao dịch bình quân 3 tháng (tỷ đồng)	% thay đổi giá trong 3 tháng	% thay đổi giá tính từ đầu năm	Giá thấp nhất trong vòng 1 năm (đồng)	Giá cao nhất trong vòng 1 năm (đồng)
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	25,000	145.7	11.6%	29.0%	18,836	24,750
BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	61,500	29.5	-9.6%	-25.3%	55,737	84,839
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	43,800	40.4	10.3%	17.6%	34,609	43,926
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	39,800	12.5	-4.0%	-15.0%	37,685	50,572
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27,600	98.2	1.5%	8.6%	24,252	30,113
FPT	CTCP FPT	96,300	304.2	2.9%	41.1%	65,506	100,800
GAS	TCT Khí Việt Nam-CTCP	76,000	48.8	-15.3%	-10.5%	73,666	93,246
GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	21,600	46.2	4.5%	46.1%	13,557	23,283
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	20,000	209.4	16.4%	46.2%	13,447	20,300
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	27,800	649.4	4.8%	42.6%	19,150	29,400
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	19,150	180.7	1.3%	23.5%	14,420	19,700
MSN	CTCP Tập đoàn MaSan	68,900	202.8	-11.6%	-28.8%	56,000	106,000
MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	43,200	421.5	-18.2%	-2.5%	33,600	59,300
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	34,900	29.6	-7.9%	6.7%	31,300	41,470
POW	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	11,400	55.9	-4.3%	1.8%	10,550	14,200
SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	63,500	47.2	-13.0%	-23.7%	54,900	98,052
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	11,250	200.9	-0.9%	24.3%	8,211	13,600
SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	23,300	78.6	-4.2%	-13.5%	22,300	31,300
SSI	CTCP Chứng khoán SSI	32,950	720.5	1.3%	78.7%	17,462	37,000
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	28,500	493.6	-10.1%	18.1%	22,950	33,700
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	32,600	271.0	-3.2%	16.9%	25,850	36,150
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17,450	107.2	-1.1%	22.0%	14,017	20,100
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	84,500	114.7	-3.5%	19.4%	69,260	93,700
VHM	CTCP Vinhomes	43,400	418.6	-6.0%	-13.0%	36,750	66,200
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	20,100	65.5	1.8%	27.7%	15,428	22,000
VIC	CTCP Tập đoàn Vingroup	44,150	236.7	-6.2%	-22.5%	38,700	76,600
VJC	CTCP Hàng không VietJet	107,700	137.2	8.6%	-4.2%	92,900	118,000
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	69,000	168.6	-9.0%	-9.4%	62,922	80,599
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	19,100	332.8	-9.3%	6.9%	15,775	22,067
VRE	CTCP Vincom Retail	23,250	104.7	-14.0%	-17.8%	21,600	32,000

Nguồn: FiinPro, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn